

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016



Tháng 8 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Văn Bình
Bà Phạm Thị Mai Lan
Ông Lưu Đức Quang
Ông Tạ Văn Tổ
Bà Vũ Thị Lan Anh

Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tạ Văn Tổ
Bà Vũ Thị Lan Anh
Ông Cao Văn Kiên

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Tạ Văn Tổ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 35.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

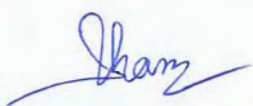
Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		945.449.100.023	626.811.812.974
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.071.965.904	11.903.115.914
1. Tiền	111	V.1	9.071.965.904	11.903.115.914
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.010.000.000	10.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		24.400.000	24.400.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(14.400.000)	(14.400.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	100.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482.837.365.645	234.531.758.199
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	227.099.622.517	176.067.197.671
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.465.943.279	29.488.278.470
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	200.300.000.000	4.350.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	27.166.799.849	24.821.282.058
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(195.000.000)	(195.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	342.309.940.714	368.843.526.443
1. Hàng tồn kho	141		342.309.940.714	368.843.526.443
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.219.827.760	11.523.412.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		149.833.904	95.585.099
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.069.993.856	11.427.827.319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		867.248.506.735	736.843.647.081
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		129.700.000.000	25.700.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	129.700.000.000	25.700.000.000
II. Tài sản cố định	220		21.287.748.361	19.490.300.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	21.180.181.382	19.337.468.758
- Nguyên giá	222		27.447.776.833	26.229.083.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.267.595.451)	(6.891.614.553)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	107.566.979	152.831.405
- Nguyên giá	228		700.933.346	700.933.346
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(593.366.367)	(548.101.941)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	156.726.011.062	158.674.784.780
- Nguyên giá	231		182.221.255.747	182.253.563.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.495.244.685)	(23.578.779.149)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		102.468.197.461	79.060.021.156
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	102.468.197.461	79.060.021.156
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	446.753.946.602	443.332.535.629
1. Đầu tư vào công ty con	251		456.030.604.921	452.998.980.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.276.658.319)	(9.666.444.371)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.312.603.249	10.586.005.353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	10.264.263.974	10.537.666.078
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		48.339.275	48.339.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.812.697.606.758	1.363.655.460.055

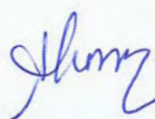
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		654.050.773.352	532.915.067.132
I. Nợ ngắn hạn	310		284.862.130.422	120.989.745.237
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	48.813.991.816	20.228.743.521
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	15.095.879.718	18.397.738.415
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.419.846.300	3.272.397.030
4. Phải trả người lao động	314		1.791.548.256	3.707.856.407
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	20.905.854.178	19.918.629.256
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	14.293.561.448	605.921.410
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.754.912.870	762.744.882
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	163.477.699.630	45.610.888.815
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.308.836.206	8.484.825.501
II. Nợ dài hạn	330		369.188.642.930	411.925.321.895
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	119.753.598.168	140.314.922.385
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	92.254.700.793	92.548.263.353
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	157.180.343.969	179.062.136.157
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.158.646.833.406	830.740.392.923
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.158.646.833.406	830.740.392.923
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.029.359.940.000	686.239.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.029.359.940.000	686.239.960.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.278.293.957	30.268.893.071
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.008.599.449	114.231.539.852
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.451.141.861	24.137.530.996
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.557.457.588	90.094.008.856
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.812.697.606.758	1.363.655.460.055



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập biểu



Đỗ Thị Thơm
Kế toán trưởng



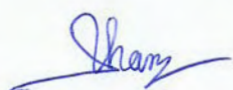
Ta Văn Tổ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

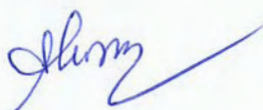
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 02a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	153.526.432.490	145.729.749.377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		153.526.432.490	145.729.749.377
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	120.284.627.249	78.536.865.881
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.241.805.241	67.192.883.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	46.063.585.936	17.912.347.417
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.369.284.319	4.237.097.231
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.759.070.371	3.134.273.866
8. Chi phí bán hàng	25		667.073.096	398.389.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.308.272.305	7.781.851.265
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.960.761.457	72.687.892.500
11. Thu nhập khác	31	VI.6	230.406.893	272.076.548
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.370.914.646	67.658.681
13. Lợi nhuận khác	40		(1.140.507.753)	204.417.867
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.820.253.704	72.892.310.367
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.262.796.116	12.648.787.124
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.557.457.588	60.243.523.243



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập biểu



Đỗ Thị Thơm
Kế toán trưởng



Tạ Văn Tố
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

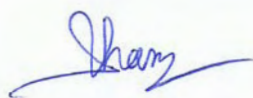
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

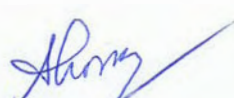
Mẫu số B 03a - DN

Đơn vị tính: VND

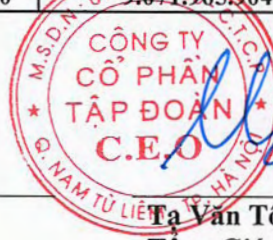
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	58.820.253.704	72.892.310.367
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.007.532.201	2.982.253.976
Các khoản dự phòng	03	(389.786.052)	958.941.344
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(18.118.740)	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.045.467.196)	(17.912.347.417)
Chi phí lãi vay	06	6.759.070.371	3.134.273.866
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	22.133.484.288	62.055.432.136
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(47.711.796.491)	(42.530.965.874)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	26.533.585.729	(28.467.452.510)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	11.855.950.631	(114.530.595.193)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	219.153.299	(694.216.933)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.422.711.976)	(4.077.718.244)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.426.395.174)	(23.848.383.837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	1.181.270.306	(152.093.900.455)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(28.907.319.964)	(5.333.794.845)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.439.816.336	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(307.400.000.000)	(513.686.740.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.450.000.000	507.922.941.160
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(105.000.000.000)	(77.850.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.061.681.085	26.732.312.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(381.355.822.543)	(62.215.280.904)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	343.119.980.000	343.119.980.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	193.452.100.233	38.883.605.600
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(97.467.081.606)	(110.993.858.040)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(61.761.596.400)	(54.873.862.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	377.343.402.227	216.135.865.360
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.831.150.010)	1.826.684.001
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.903.115.914	33.091.847.023
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.071.965.904	34.918.531.024



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập biểu



Đỗ Thị Thơm
Kế toán trưởng



Tạ Văn Tổ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O tiền thân là Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102003701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016491 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 03 năm 2007, và các lần thay đổi. Từ ngày 27 tháng 05 năm 2015, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 05 năm 2015.

Ngày 29 tháng 09 năm 2014, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CEO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 05 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 1.029.359.940.000 đồng. Tổng số cổ phần là 102.935.994 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình; tư vấn khảo sát xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Chi tiết Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, máy may, da giày, Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng các công trình đường bộ, đường sắt;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Chi tiết: Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý
Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác quặng sắt;
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Dạy nghề; Đào tạo Cao đẳng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép);

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản (Chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo Pháp luật); Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản;
- Sản xuất linh kiện xe ô tô và các sản phẩm công nghiệp khác; sản xuất các thiết bị bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị điện (điện thoại, máy fax, phần cứng và phần mềm máy tính);
- Kinh doanh dịch vụ hội nghị, hội thảo, kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại, đầu tư kinh doanh cho thuê văn phòng;
- Đào tạo trình độ Đại học (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đào tạo ngoại ngữ, tin học;
- Xây dựng nhà các loại
Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà, khu công nghiệp, xây dựng dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Đầu tư xây dựng sân golf; Đầu tư xây dựng công trình điện nước; Đầu tư xây dựng khu du lịch và các khu vui chơi giải trí; Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, cơ sở hạ tầng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách, dịch thuật; Trang trí nội, ngoại thất;
- Tư vấn khảo sát xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); và
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa, tư vấn đầu tư.
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; bán buôn đồ uống, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động cho thuê văn phòng, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O có tất cả 07 công ty con. Cụ thể bao gồm:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH C.E.O Quốc tế	Hà Nội	100,00%	Xây dựng nhà các loại, cung cấp dịch vụ ăn uống, giáo dục
2	Công ty Cổ phần Xây dựng C.E.O	Hà Nội	51,00%	Xây dựng nhà, khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản,...
3	Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	Hà Nội	51,00%	Xuất Khẩu lao động, đào tạo các ngành nghề kinh doanh bất động sản, ...
4	Trường Cao đẳng Đại Việt	Bắc Ninh	100,00%	Đào tạo các ngành kế toán Doanh nghiệp sản xuất, DN thương mại,...
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc	Kiên Giang	60,00%	Kinh doanh khách sạn, resort, khu vui chơi, Kinh doanh bất động sản...
6	Công ty Cổ phần Đầu tư BMC - CEO	Hà Nội	87,76%	Kinh doanh Bất động sản, xây dựng nhà, khu công nghiệp....
7	Công ty Cổ phần Du lịch C.E.O	Hà Nội	51,00%	Cung cấp dịch vụ nhà hàng ăn uống, tổ chức tour du lịch...

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 47
Phương tiện vận tải	06 - 09
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định khác	02 - 05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định của Công ty là phần mềm kế toán, nhãn hiệu hàng hóa quốc tế và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phần mềm máy tính	03
Nhãn hiệu hàng hóa quốc tế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Tòa tháp CEO, HH2-1, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 47 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản trả trước dài hạn gồm khoản chi phí thuê văn phòng của công ty Lạc Việt và Tổng công ty xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC). Khoản thuê văn phòng này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng đối với công ty Lạc Việt là 44 năm và PVC là 6 năm.

Các khoản trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	8.875.724.123	732.677.051
Tiền gửi ngân hàng	196.241.781	11.170.438.863
Cộng	9.071.965.904	11.903.115.914

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tiền gửi số 105/2016/HĐTG.TX ngày 21 tháng 04 năm 2016. Tổng số tiền gửi 100 tỷ đồng, thời hạn gửi từ ngày 21 tháng 04 năm 2016 đến ngày 21 tháng 04 năm 2017, lãi suất 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV phát triển BĐS và du lịch VGC Phú Quốc	17.975.564.572	-
Công ty cổ phần kỹ thuật Sigma	11.050.851.449	-
Phạm Hồng Thanh	7.201.660.000	7.201.660.000
Công ty CP tư vấn đầu tư Thành Nam	5.319.962.000	12.693.700.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	185.551.584.496	156.171.837.671
Cộng	227.099.622.517	176.067.197.671
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty cổ phần Phát triển Dịch vụ C.E.O	189.674.845	86.137.017
Công ty cổ phần Xây Dựng C.E.O	632.261.067	345.662.768
Công ty cổ phần Du Lịch C.E.O	39.626.638	-
Cao Văn Kiên (Phó Tổng Giám đốc)	1.138.320.000	1.138.320.000
Cộng	1.999.882.550	1.570.119.785

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bê tông đúc sẵn Thăng Long	11.642.788.568	11.187.693.218
Công ty TNHH Thang máy Mitsubishi Việt Nam	4.997.472.800	4.997.472.800
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	11.825.681.911	13.303.112.452
Cộng	28.465.943.279	29.488.278.470

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Phú Quốc {i}	100.000.000.000	-
Bà Đào Thị Bích Việt {ii}	29.900.000.000	4.350.000.000
Bà Trịnh Thị Trinh Hương {iii}	21.500.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thương {iv}	10.000.000.000	-
Ông Thái Phương Quế {v}	10.000.000.000	-
Ông Đặng Văn Hùng {vi}	10.000.000.000	-
Các đối tượng khác	18.900.000.000	-
Cộng	200.300.000.000	4.350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn (Tiếp theo)**

- {i} Khoản cho vay theo hợp đồng số 01/2016/CEOCV-TCKT ngày 20 tháng 04 năm 2016. Số tiền vay quy định trong hợp đồng là 100 tỷ đồng, thời hạn vay là 03 tháng, từ 20 tháng 04 năm 2016 đến ngày 19 tháng 07 năm 2016, lãi suất cho vay là 6,7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- {ii} Khoản cho vay theo hợp đồng số 03/2016/CEOCV-TCKT ngày 27 tháng 05 năm 2016. Số tiền vay quy định trong hợp đồng là 29,9 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng, từ ngày 27 tháng 05 năm 2016 đến ngày 26 tháng 11 năm 2016, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- {iii} Khoản cho vay theo hợp đồng số 02/2016/CEOCV-TCKT ngày 27 tháng 05 năm 2016. Số tiền vay quy định trong hợp đồng là 21,5 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng, từ 27 tháng 05 năm 2016 đến ngày 26 tháng 11 năm 2016, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- {iv} Khoản cho vay theo hợp đồng số 06/2016/CEOCV-TCKT ngày 27 tháng 06 năm 2016. Số tiền vay quy định trong hợp đồng là 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng, từ 27 tháng 06 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2016, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- {v} Khoản cho vay theo hợp đồng số 04/2016/CEOCV-TCKT ngày 20 tháng 06 năm 2016. Số tiền vay quy định trong hợp đồng là 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng, từ 20 tháng 06 năm 2016 đến ngày 19 tháng 12 năm 2016, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- {vi} Khoản cho vay theo hợp đồng số 07/2016/CEOCV-TCKT ngày 29 tháng 06 năm 2016. Số tiền vay quy định trong hợp đồng là 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng, từ 29 tháng 06 năm 2016 đến ngày 28 tháng 12 năm 2016, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc {i}	19.491.340.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ C.E.O	-	100.000.000
Ký cược, ký quỹ	5.135.100.000	5.135.100.000
Tạm ứng	424.887.000	166.910.000
Phải thu khác	2.115.472.849	1.419.272.058
Cộng	27.166.799.849	24.821.282.058
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc {ii}	104.000.000.000	-
Ban đền bù GPMB Quốc Oai {iii}	25.700.000.000	25.700.000.000
Cộng	129.700.000.000	25.700.000.000
c. Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc	123.491.340.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ C.E.O	-	100.000.000
Cộng	123.491.340.000	18.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. Phải thu khác (Tiếp theo)

- {i} Tiền cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc.
- {ii} Khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HĐHTĐT/CEO-CEOPQ ngày 25 tháng 02 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc về việc góp vốn cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh khu căn hộ nghỉ dưỡng trên lô đất tại vị trí CH2, thuộc dự án Khu tổ hợp du lịch Sonasea Villa And Resort với diện tích là 14.175 m2. Tổng mức đầu tư của dự án là 1.043 tỷ, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O góp vốn 104 tỷ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc góp 939 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận từ việc bán Căn hộ nghỉ dưỡng sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ tham gia góp vốn đã quy định.
- {iii} Là khoản tạm ứng cho Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng huyện Quốc Oai, Hà Nội để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Khu đất dịch vụ xã Sài Sơn (phục vụ Dự án Khu đô thị mới Quốc Oai lô N1 + N3 của Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	4.435.680	-
Công cụ, dụng cụ	2.544.817	-	2.544.817	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	342.025.412.641	-	368.826.271.784	-
Hàng hoá	281.983.256	-	10.274.162	-
Cộng	342.309.940.714	-	368.843.526.443	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	11.851.773.535	10.599.454.545	2.227.438.226	1.550.417.005	26.229.083.311
Mua trong kỳ	231.300.000	7.147.614.545	63.793.636	-	7.442.708.181
Giảm do góp vốn	(686.261.932)	-	-	-	(686.261.932)
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.537.752.727)	-	-	(5.537.752.727)
Tại ngày 30/06/2016	11.396.811.603	12.209.316.363	2.291.231.862	1.550.417.005	27.447.776.833
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	2.327.095.473	1.564.005.859	1.466.055.642	1.534.457.579	6.891.614.553
Khấu hao trong kỳ	284.123.371	697.584.781	64.094.087	-	1.045.802.239
Giảm do góp vốn	(571.884.950)	-	-	-	(571.884.950)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.097.936.391)	-	-	(1.097.936.391)
Tại ngày 30/06/2016	2.039.333.894	1.163.654.249	1.530.149.729	1.534.457.579	6.267.595.451
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	9.524.678.062	9.035.448.686	761.382.584	15.959.426	19.337.468.758
Tại ngày 30/06/2016	9.357.477.709	11.045.662.114	761.082.133	15.959.426	21.180.181.382

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 2.798.036.399 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.688.175.211 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã mang đi thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 8.861.679.402 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.101.082.123 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hóa quốc tế VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình, phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	267.227.596	62.000.000	371.705.750	700.933.346
Tại ngày 30/06/2016	<u>267.227.596</u>	<u>62.000.000</u>	<u>371.705.750</u>	<u>700.933.346</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	226.583.690	62.000.000	259.518.251	548.101.941
Khấu hao trong kỳ	26.722.758	-	18.541.668	45.264.426
Tại ngày 30/06/2016	<u>253.306.448</u>	<u>62.000.000</u>	<u>278.059.919</u>	<u>593.366.367</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	<u>40.643.906</u>	<u>-</u>	<u>112.187.499</u>	<u>152.831.405</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>13.921.148</u>	<u>-</u>	<u>93.645.831</u>	<u>107.566.979</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 303.705.750 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 303.705.750 đồng).

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	178.845.995.929	3.407.568.000	182.253.563.929
Giảm khác trong kỳ (*)	(32.308.182)	-	(32.308.182)
Tại ngày 30/06/2016	<u>178.813.687.747</u>	<u>3.407.568.000</u>	<u>182.221.255.747</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	23.578.779.149	-	23.578.779.149
Trích khấu hao trong kỳ	1.916.465.536	-	1.916.465.536
Tại ngày 30/06/2016	<u>25.495.244.685</u>	<u>-</u>	<u>25.495.244.685</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	<u>155.267.216.780</u>	<u>3.407.568.000</u>	<u>158.674.784.780</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>153.318.443.062</u>	<u>3.407.568.000</u>	<u>156.726.011.062</u>

(*) Giảm khác trong kỳ là điều chỉnh giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế của Tòa nhà C.E.O theo biên bản quyết toán giá trị tòa nhà.

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã mang đi thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 153.318.443.062 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 155.267.216.780 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công trình trường cao đẳng Đại Việt	87.300.903.411	66.879.854.289
	1.888.277.703	692.939.703
Công trình dự án khu phần mềm CEO Láng - Hòa Lạc		
Nhà dịch vụ Dự án Quốc Oai	13.074.037.991	11.302.424.899
Dự án Phan Thiết - Bình Thuận	204.978.356	184.802.265
Cộng	102.468.197.461	79.060.021.156

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước tiền thuê cho Công ty Lạc Việt	4.583.996.451	4.641.296.409
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	2.424.037.732	2.763.552.856
Công ty Cổ phần địa ốc dầu khí (PVL)	970.094.658	1.105.456.704
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	901.894.961	643.357.436
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.384.240.172	1.384.002.673
Cộng	10.264.263.974	10.537.666.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2016				01/01/2016			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH CEO Quốc tế	-	83.919.980.000	83.919.980.000	-		83.919.980.000	83.919.980.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng CEO	1.530.000	15.300.000.000	15.300.000.000	-	1.530.000	15.300.000.000	15.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ CEO	2.295.000	22.950.000.000	22.950.000.000	-	2.295.000	22.950.000.000	22.950.000.000	-
Trường Cao đẳng Đại Việt	4.290.000	42.900.000.000	33.902.283.841	8.997.716.159	4.290.000	42.900.000.000	33.318.755.417	9.581.244.583
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc	1.800.000	270.029.000.000	270.029.000.000	-	1.800.000	270.029.000.000	270.029.000.000	-
Công ty Cổ phần BMC CEO	430.000	17.900.000.000	17.813.070.248	86.929.752	430.000	17.900.000.000	17.814.800.212	85.199.788
Công ty Cổ phần Du Lịch CEO	303.162	3.031.624.921	2.839.612.513	192.012.408	-	-	-	-
Cộng		456.030.604.921	446.753.946.602	9.276.658.319		452.998.980.000	443.332.535.629	9.666.444.371

Theo quy định của Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cần được trình bày, tuy nhiên do các công ty con của công ty chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mỹ Đình Hạ,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**13. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Chi tiết đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH C.E.O Quốc tế	Hà Nội	100,00%	Xây dựng nhà các loại, cung cấp dịch vụ ăn uống, giáo dục
2	Công ty Cổ phần Xây dựng C.E.O	Hà Nội	51,00%	Xây dựng nhà, khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản,...
3	Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	Hà Nội	51,00%	Xuất khẩu lao động, đào tạo các ngành nghề kinh doanh bất động sản,
4	Trường Cao đẳng Đại Việt	Bắc Ninh	100,00%	Đào tạo các ngành kế toán Doanh nghiệp sản xuất, Doanh nghiệp thương mại,...
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc	Kiên Giang	60,00%	Kinh doanh khách sạn, resort, khu vui chơi, KD bất động sản...
6	Công ty Cổ phần Đầu tư BMC - CEO	Hà Nội	87,76%	Kinh doanh Bất động sản, xây dựng nhà, khu công nghiệp....
7	Công ty Cổ phần Du lịch C.E.O	Hà Nội	51,00%	Cung cấp dịch vụ nhà hàng ăn uống, tổ chức tour du lịch...

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.108.669.231	1.108.669.231	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.148.343.500	3.262.796.116	4.426.395.174	1.984.744.442
Thuế thu nhập cá nhân	124.053.530	2.670.028.900	358.980.572	2.435.101.858
Cộng	3.272.397.030	7.041.494.247	5.894.044.977	4.419.846.300

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây Dựng C.E.O	27.491.191.225	27.491.191.225	9.003.887.550	9.003.887.550
Công ty Cổ phần tư vấn PCCC Hà Nội	2.896.869.000	2.896.869.000	3.168.985.000	3.168.985.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	-	-	2.320.265.607	2.320.265.607
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	6.312.720.031	6.312.720.031	65.303.344	65.303.344
Công ty cổ phần công nghệ Việt Ân	2.585.179.130	2.585.179.130	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	9.528.032.430	9.528.032.430	5.670.302.020	5.670.302.020
Cộng	48.813.991.816	48.813.991.816	20.228.743.521	20.228.743.521
b. Phải trả người bán có liên quan				
Công ty cổ phần Xây Dựng C.E.O	27.491.191.225	27.491.191.225	9.003.887.549	9.003.887.549
Công ty cổ phần Du Lịch C.E.O	71.591.520	71.591.520	-	-
Công ty cổ phần Phát triển Dịch vụ C.E.O	-	-	3.436.948	3.436.948
Cộng	27.562.782.745	27.562.782.745	9.007.324.497	9.007.324.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.733.159.091	4.733.159.091
Nguyễn Hồng Sơn	3.336.642.925	3.336.642.925
Tạ Trọng Tấn	2.805.834.109	-
Nguyễn Thị Oanh	2.059.345.000	2.059.345.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	2.160.898.593	8.268.591.399
Cộng	15.095.879.718	18.397.738.415

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công dự án Chi Đông	14.848.551.400	14.848.551.400
Trích trước chi phí lãi vay	2.598.680.842	1.695.100.225
Trích trước chi phí khác	3.458.621.936	3.374.977.631
Cộng	20.905.854.178	19.918.629.256

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động cho thuê tháp	14.293.561.448	605.921.410
Cộng	14.293.561.448	605.921.410
b. Dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động cho thuê tháp	119.753.598.168	140.314.922.385
Cộng	119.753.598.168	140.314.922.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	139.288.296	207.188.544
Bảo hiểm xã hội	174.221.060	-
Bảo hiểm y tế	30.153.645	-
Bảo hiểm thất nghiệp	13.401.620	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.203.700.647	419.352.042
Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.147.602	136.204.296
Cộng	1.754.912.870	762.744.882
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.734.276.231	3.546.743.576
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	89.520.424.562	89.001.519.777
- Phí bảo trì dự án Chi Đông	1.315.788.903	1.315.788.903
- Công ty TNHH C.E.O Quốc tế (*)	86.700.000.000	86.700.000.000
- Các khoản phải trả dài hạn khác	1.504.635.659	985.730.874
Cộng	92.254.700.793	92.548.263.353

(*) Là khoản tiền nhận của công ty TNHH C.E.O Quốc tế theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HĐHTĐT ngày 01/01/2011 và phụ lục hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2013, được ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O với Công ty TNHH C.E.O Quốc tế về việc hợp tác đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng xã hội của dự án khu đô thị CEO Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự kiến là 321.000.000.000 đồng. Theo đó, Lợi nhuận từ việc hoạt động kinh doanh sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ tham gia góp vốn đã quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngân hàng, tổ chức kinh tế	86.659.799.630	86.659.799.630	168.041.201.144	90.861.081.606	9.479.680.092	9.479.680.092
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {i}	84.060.841.230	84.060.841.230	167.042.242.744	90.861.081.606	7.879.680.092	7.879.680.092
- Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
- Công ty CP đầu tư phát triển nhà Hoàng Hải Phú Quốc	998.958.400	998.958.400	998.958.400	-	-	-
Các khoản vay cá nhân	7.605.900.000	7.605.900.000	7.605.900.000	-	-	-
Cộng vay ngắn hạn	94.265.699.630	94.265.699.630	175.647.101.144	90.861.081.606	9.479.680.092	9.479.680.092
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 22)	69.212.000.000	69.212.000.000			36.131.208.723	36.131.208.723
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	38.212.000.000	38.212.000.000			36.131.208.723	36.131.208.723
- Trường Cao đẳng Đại Việt	31.000.000.000	31.000.000.000			-	-
Tổng	163.477.699.630	163.477.699.630			45.610.888.815	45.610.888.815

- {i} Hợp đồng thấu chi với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng số 01/2016/2356339/HĐTD ngày 29/04/2016. Giá trị hạn mức thấu chi là 100 tỷ đồng. Thời hạn thấu chi tối đa 12 tháng, đến thời điểm đáo hạn, căn cứ thời điểm đáo hạn quay vòng kỳ tiếp theo của các khoản tiền gửi dùng làm TSDB được xác định lại. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi là 12 tháng, không vượt quá ngày 21/04/2017. Mục đích thấu chi nhằm bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời của bên đi vay do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ. Lãi suất trong hạn 6,7%/năm được áp dụng đến 30/06/2016 sau đó được áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng 1 lần, trong mọi trường hợp không được thấp hơn lãi suất tiền gửi đối ứng làm TSDB (6,5%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được tính từ ngày quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngân hàng, tổ chức kinh tế	226.392.343.969	226.392.343.969	26.409.857.489	7.604.958.400	207.587.444.880	207.587.444.880
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {i}	195.392.343.969	195.392.343.969	26.409.857.489	6.606.000.000	175.588.486.480	175.588.486.480
- Công ty CP đầu tư phát triển nhà Hoàng Hải Phú Quốc	-	-	-	998.958.400	998.958.400	998.958.400
- Trường Cao đẳng Đại Việt {ii}	31.000.000.000	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000	31.000.000.000
Vay cá nhân	-	-	-	7.605.900.000	7.605.900.000	7.605.900.000
Cộng các khoản vay dài hạn	226.392.343.969	226.392.343.969	26.409.857.489	15.210.858.400	215.193.344.880	215.193.344.880
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	(69.212.000.000)	(69.212.000.000)			(36.131.208.723)	(36.131.208.723)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	(38.212.000.000)	(38.212.000.000)			(36.131.208.723)	(36.131.208.723)
- Trường Cao đẳng Đại Việt	(31.000.000.000)	(31.000.000.000)			-	-
Cộng	157.180.343.969	157.180.343.969			179.062.136.157	179.062.136.157

{i} Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng cụ thể sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2014/2356339/HĐTD ngày 21 tháng 07 năm 2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.01/2014/2356339/HĐTD ngày 21 tháng 07 năm 2015. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 80.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên của hợp đồng. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn hoàn thiện 330 biệt thự của dự án Sunny Garden City, Quốc Oai, Hà Nội và để nhận nợ dự án Sunny Garden City, Quốc Oai, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/HĐMBN/BIDV.TX-MB.MĐ ký giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân ngày 21 tháng 07 năm 2014. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2356339/2014/HĐBĐ ngày 24 tháng 07 năm 2014, bao gồm: toàn bộ quyền sở hữu tài sản trên đất (giá trị Quyền sử dụng và khai thác) tại Lô đất ký hiệu HH2-1 trong Khu đô thị mới Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 692008 và quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2007 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 01/10/2007 cho Công ty cổ phần Đầu tư C.E.O, tổng giá trị tài sản thế chấp là 170.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/2356339/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2015, Hạn mức vay tối đa là 150.000.000.000 đồng nhưng không quá 67% tổng mức đầu tư của dự án. Công ty vay vốn để đầu tư dự án Khu nhà ở xã hội Ô đất CC-1 khu đô thị mới thuộc các lô đất N1+N3 thuộc Khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội. Thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất 5%/năm đến hết 30 tháng 09 năm 2015, sau thời gian trên áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Tài sản đảm bảo là các công trình gắn liền với đất và các tài sản khác không bao gồm quyền sử dụng đất hình thành sau đầu tư tại dự án Khu nhà ở xã hội tại Ô đất CC-1 khu đô thị mới thuộc các lô đất N1 + N3 thuộc Khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội (Khu nhà ở xã hội Bamboo Garden) và các quyền phát sinh có liên quan. Tổng giá trị tài sản thế chấp ước tính là 242.435.000.000 đồng.

- {ii} Khoản vay Trường Cao đẳng Đại Việt theo hợp đồng vay vốn số 01/2015/CEO-TCKT ngày 24 tháng 04 năm 2015. Giá trị khoản vay là 31.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2015, lãi suất áp dụng là 10%/năm. Khoản vay không sử dụng tài sản thế chấp.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	69.212.000.000	36.131.208.723
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	157.180.343.969	179.062.136.157
Cộng	226.392.343.969	215.193.344.880
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh V.19)	(69.212.000.000)	(36.131.208.723)
Số phải trả sau 12 tháng	157.180.343.969	179.062.136.157

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	343.119.980.000	29.043.990.689	93.973.590.853	466.137.561.542
Vốn góp tăng trong năm	343.119.980.000	-	-	343.119.980.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	90.094.008.856	90.094.008.856
Phân phối lợi nhuận	-	7.468.431.529	(14.936.863.057)	(7.468.431.528)
Trả cổ tức	-	-	(54.899.196.800)	(54.899.196.800)
Giảm khác	-	(6.243.529.147)	-	(6.243.529.147)
Số dư tại ngày 31/12/2015	686.239.960.000	30.268.893.071	114.231.539.852	830.740.392.923
Vốn góp tăng trong kỳ (*)	343.119.980.000	-	-	343.119.980.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	55.557.457.588	55.557.457.588
Phân phối lợi nhuận	-	9.009.400.886	(18.018.801.591)	(9.009.400.705)
Trả cổ tức (**)	-	-	(61.761.596.400)	(61.761.596.400)
Số dư tại ngày 30/06/2016	1.029.359.940.000	39.278.293.957	90.008.599.449	1.158.646.833.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (*) Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 11 năm 2015.

Theo mục 4, tờ trình số 319/TTr-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường phê duyệt tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 11 năm 2015, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 343.119.980.000 đồng. Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành là: đầu tư vào Dự án Sonasea Residences - Phú Quốc với số tiền 189.119.980.000; đầu tư vào Dự án River Silk City phân kỳ II : 50.000.000.000 đồng; đầu tư vào Dự án căn hộ nghỉ dưỡng Sonasea - Phú Quốc với số tiền 104.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, để tăng hiệu quả sử dụng vốn, trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty thực hiện gửi tiền có kỳ hạn với số tiền 100.000.000.000 đồng; cho các tổ chức, cá nhân vay vốn với số tiền 139.119.980.000 đồng; phần còn lại là đầu tư vào Dự án căn hộ nghỉ dưỡng Sonasea - Phú Quốc với số tiền 104.000.000 đồng.

- (**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 3 năm 2016, Công ty chi trả cổ tức theo tỷ lệ 9% giá trị cổ phiếu.

b. Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	102.935.994	68.623.996
- Cổ phiếu phổ thông	102.935.994	68.623.996
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	102.935.994	68.623.996
- Cổ phiếu phổ thông	102.935.994	68.623.996
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.011.651.965	24.337.242.678
Doanh thu kinh doanh bất động sản	91.021.830.328	121.392.506.699
Doanh thu hoạt động thương mại	32.492.950.197	-
Cộng	153.526.432.490	145.729.749.377

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.199.384.461	9.028.452.776
Giá vốn kinh doanh bất động sản	78.457.476.520	69.508.413.105
Giá vốn hoạt động thương mại	31.627.766.268	-
Cộng	120.284.627.249	78.536.865.881

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.160.467.196	1.881.847.417
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.885.000.000	16.030.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.118.740	-
Cộng	46.063.585.936	17.912.347.417

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.759.070.371	3.134.273.866
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	43.882.021
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	193.742.372	1.058.941.344
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(583.528.424)	-
Cộng	6.369.284.319	4.237.097.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	7.615.697.406	3.641.500.017
Khấu hao TSCĐ	965.211.256	965.747.175
Chi phí CCDC, đồ dùng	297.102.026	358.767.625
Chi phí mua ngoài	1.710.253.771	1.381.373.052
Chi phí bằng tiền khác	1.720.007.846	1.534.463.396
Cộng	12.308.272.305	7.881.851.265
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(100.000.000)
Cộng	-	(100.000.000)
Tổng Cộng	12.308.272.305	7.781.851.265

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Thu tiền trích đo, in sổ đo dự án Hà Nam	152.400.677	117.413.005
Các khoản khác	78.006.216	154.663.543
Cộng	230.406.893	272.076.548

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí thiệt hại cây xanh do ảnh hưởng thiên tai	1.290.130.646	-
Các khoản khác	80.784.000	67.658.681
Cộng	1.370.914.646	67.658.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	58.820.253.704	72.892.310.367
Hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội thuế suất TNDN 10%	(3.074.102.961)	-
Hoạt động sản xuất kinh doanh không ưu đãi	61.894.356.665	72.892.310.367
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	383.246.701	632.676.560
<i>Chi phí khấu hao không được trừ</i>	<i>383.246.701</i>	<i>316.229.545</i>
<i>Chi phí lãi vay vượt quá lãi suất cơ bản</i>	<i>-</i>	<i>66.337.025</i>
<i>Chi phí không được khấu trừ khác</i>	<i>-</i>	<i>250.109.990</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(45.959.102.961)	(16.030.500.000)
<i>Doanh thu từ cổ tức</i>	<i>(42.885.000.000)</i>	<i>(16.030.500.000)</i>
<i>Chuyển lỗ các hoạt động</i>	<i>(3.074.102.961)</i>	
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	-
Thu nhập chịu thuế suất 20%	16.318.500.405	57.494.486.927
Thu nhập khác		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.263.700.081	12.648.787.124
Điều chỉnh giảm thuế TNDN sau Biên bản đối chiếu với cơ quan thuế	(903.965)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.262.796.116	12.648.787.124

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.139.414.300	7.250.328.400
Chi phí nhân công	10.533.743.318	5.583.478.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.007.532.201	2.982.253.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.991.387.756	69.954.951.842
Chi phí khác bằng tiền	2.413.747.402	946.093.902
Cộng	75.085.824.977	86.717.107.063

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	320.658.043.599	224.673.024.972
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	9.071.965.904	11.903.115.914
Nợ thuần	311.586.077.695	212.769.909.058
Vốn chủ sở hữu	1.158.646.833.406	830.740.392.923
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	26,89%	25,61%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.071.965.904	11.903.115.914
Phải thu khách hàng và phải thu khác	578.511.435.366	225.441.469.729
Đầu tư ngắn hạn	100.010.000.000	10.000.000
Các khoản ký quỹ	5.135.100.000	5.135.100.000
Cộng	692.728.501.270	242.489.685.643
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	320.658.043.599	224.673.024.972
Phải trả người bán và phải trả khác	142.823.605.479	113.539.751.756
Chi phí phải trả	20.905.854.178	19.918.629.256
Cộng	484.387.503.256	358.131.405.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Các loại công cụ tài chính

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016			
Tiền	9.071.965.904	-	9.071.965.904
Phải thu khách hàng và phải thu khác	448.811.435.366	129.700.000.000	578.511.435.366
Đầu tư ngắn hạn	100.010.000.000	-	100.010.000.000
Các khoản ký quỹ	5.135.100.000	-	5.135.100.000
Cộng	563.028.501.270	129.700.000.000	692.728.501.270
Tại 30/06/2016			
Các khoản vay	163.477.699.630	157.180.343.969	320.658.043.599
Phải trả người bán và phải trả khác	50.568.904.686	92.254.700.793	142.823.605.479
Chi phí phải trả	20.905.854.178	-	20.905.854.178
Cộng	234.952.458.494	249.435.044.762	484.387.503.256
Chênh lệch thanh khoản thuần	328.076.042.776	(119.735.044.762)	208.340.998.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền	11.903.115.914	-	11.903.115.914
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.741.469.729	25.700.000.000	225.441.469.729
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000
Các khoản ký quỹ	5.135.100.000	-	5.135.100.000
Cộng	216.789.685.643	25.700.000.000	242.489.685.643
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	20.991.488.403	92.548.263.353	113.539.751.756
Chi phí phải trả	19.918.629.256	-	19.918.629.256
Các khoản vay	45.610.888.815	179.062.136.157	224.673.024.972
Cộng	86.521.006.474	271.610.399.510	358.131.405.984
Chênh lệch thanh khoản thuần	130.268.679.169	(245.910.399.510)	(115.641.720.341)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Thông tin các bên liên quan

Danh sách bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc
Công ty Cổ phần Xây dựng C.E.O
Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O
Trường Cao đẳng Đại Việt
Công ty TNHH C.E.O Quốc tế
Công ty Cổ phần Đầu tư BMC - C.E.O
Công ty Cổ phần Du lịch C.E.O

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ hoạt động, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Du lịch C.E.O	44.699.920	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc	3.285.171.880	-
Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	870.683.020	599.622.681
Công ty Cổ phần Xây dựng C.E.O	327.750.908	69.499.874
Cộng	4.528.305.728	669.122.555
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xây dựng C.E.O	27.474.437.275	39.311.491.999
Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	17.620.616	-
Công ty Cổ phần Du lịch C.E.O	145.526.927	-
Cộng	27.637.584.818	39.311.491.999
Lãi vay phát sinh		
Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	52.288.889	16.622.222
Công ty Cổ phần Xây dựng C.E.O	-	185.733.333
Trường Cao đẳng Đại Việt	1.567.222.222	181.040.000
Công ty TNHH C.E.O Quốc tế	-	1.832.222
Cộng	1.619.511.111	385.227.777
Các khoản cho vay, đầu tư khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc	204.000.000.000	-
Cộng	204.000.000.000	-
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	4.590.000.000	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc	36.000.000.000	14.628.000.000
Công ty Cổ phần Xây Dựng C.E.O	2.295.000.000	382.500.000
Cộng	42.885.000.000	16.030.500.000
Góp vốn vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ C.E.O	-	17.850.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Quốc	-	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch CEO	3.031.624.921	-
Cộng	3.031.624.921	77.850.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan (Đã trình bày tại phần Thuyết minh V.3, V.6a, V.15, V.16)

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lương	1.626.357.336	1.231.876.445
Cộng	<u>1.626.357.336</u>	<u>1.231.876.445</u>

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2016 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu tương ứng trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập biểu



Đỗ Thị Thơm
Kế toán trưởng



Tạ Văn Tổ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016